TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 03 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Sơn Thanh Huyền**.

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Kiều Minh Tiến -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 03 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Ngọc D – sinh ngày: 01/7/1992 (vắng có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện D, tỉnh A.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Phương B - sinh ngày: 13/11/1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh B do tự quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới anh, chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị D được vài ngày sau đó lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay. Trong quá

trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng xây dựng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian; Sau đó anh B có những cá tính không tốt và nhược điểm ngày càng bộc lộ , không có sự đồng cảm, nguyên nhân là do không hợp, thường xuyên cải nhau luôn bất đồng quan điểm, chị D đã nhiều lần hàn gắn mong cùng anh B xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không diễn biến tốt đẹp mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị và anh B đã ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay.

Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 02 tháng 01 năm 2020 bị đơn anh Nguyễn Văn Phương B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B thống nhất theo lời trình bày của chị D, về mối quan hệ hôn nhân, nhưng anh B không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lên tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan; Chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh B.

[2] Về nội D vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh B do quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào ngày 01 tháng 4 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi cưới thì chị D và anh B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ, chồng và gia đình có bất hòa cự cải với nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị D có yêu cầu xin ly hôn với anh B nhưng anh B không đồng ý ly hôn vì anh B còn thương vợ.

Xét thấy, chị D và anh B đã không còn sống chú trong thời gian dài là từ tháng 09 tháng 2019 nay không thể hàn gắn đoàn tụ, anh B không đưa ra được giải pháp nào để về vợ chồng đoàn tụ chung sống, chị D cũng không đồng ý đoàn tụ với B, đã cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị D và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Phương B thống nhất xác định không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Phương B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Phương B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56ncủa Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 3-12-2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Phương B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Phương B thống nhất xác định không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Phương B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn Phương B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0007738 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND x. Tân Lân, h. Cần Đước, t. Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh